

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 7 - 2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

2. Ông Phan Văn Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Công Nguyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Chị Bùi Thị L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn N,xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn:Anh Trương Ngọc H, sinh năm 1990.

Địa chỉ:Thôn N,xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa chị L,anh H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 5 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 27/4/2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống với nhau tại xã T, huyện N. Hai vợ chồng chị chỉ sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng và gia đình không hòa hợp nảy sinh nhiều bất đồng, nhất là mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng, mẹ chồng chị còn đui chị về nhà mẹ đẻ trong khi chị đến ngày sinh con, trong khi chồng chị thường xuyên đi làm ăn xa, kinh tế thì không chu cấp cho

chị nuôi con, khi về nhà thì anh H mượn rượu đánh đập chị, xúc phạm gia đình bố mẹ đẻ của chị, không chịu được cuộc sống hôn nhân trên chị và anh H chính thức ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Hiện chị đã về quê chị tại xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình sinh sống. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh H trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: chị L xác định chị và anh H có 01 con chung tên cháu Trương Ngọc Như Q, sinh ngày 30/03/2018. Hiện nay cháu đang ở với anh ở với anh H, do khi chị làm đơn ly hôn, anh H đã đón cháu về. Sau ly hôn nguyện vọng của chị L xin nuôi cháu vì cháu còn nhỏ, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Anh Trương Ngọc H được thể hiện tại bản khai ngày 26/5/2020 và thể hiện trong các văn bản tố tụng khác: anh H thừa nhận thời gian kết hôn và chung sống như chị L trình bày là đúng. Theo anh vợ chồng anh sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có cãi chửi nhau và sống ly thân từ tháng 10/2019. Hiện nay chị L đã về bên ngoại sinh sống, anh cũng mong muốn tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên nếu chị L cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác định anh và chị L có 1 con chung là cháu Trương Ngọc Như Q, sinh ngày 30/03/2018. Khi chị L làm đơn ly hôn, anh đã đón cháu từ nhà ngoại về ở với anh. Nguyện vọng của anh nếu chị L cương quyết ly hôn với anh thì anh xin nuôi cháu và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không có yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện N với UBND xã T, huyện N thì anh H và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Về mâu thuẫn giữa chị L và anh H do không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay chị L đã về quê tại xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình sinh sống.

Do quá trình giải quyết các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai. Bị đơn có ý kiến xin đoàn tụ, nếu chị L đồng ý cho anh nuôi con chung thì anh đồng ý ly hôn, trường hợp chị L vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị L, Xử lý hôn giữa Chị Bùi Thị L và Anh Trương Ngọc H.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Trương Ngọc Như Q, sinh ngày 30/03/2018 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Bùi Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung**: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hòa hợp, không cùng thống nhất được quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn. Thực tế các bên cũng thừa nhận đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Ý kiến của anh H không muốn ly hôn và xin đoàn tụ. Tuy nhiên trong suốt thời gian anh chị ly thân và trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bản thân anh H không hề có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh H là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Nguyên vọng của chị L và anh H đều xin được nuôi 01 con chung là cháu Trương Ngọc Như Q, sinh ngày 30/3/2018, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. chị L và anh H cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh anh chị có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dạy và chăm sóc con. Hội đồng xét xử thấy rằng: anh H và chị L là lao động tự do, có thu nhập, có đủ sức khỏe và các điều kiện khác để chăm sóc và nuôi dạy cháu Q. Tuy nhiên xét việc cháu Q đến thời điểm xét xử mới được 2 tuổi 2 tháng, cháu lại là con gái vì vậy cần được quan tâm và chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa bên cạnh có mẹ chị L giúp chị trông nom chăm sóc cháu. Vì vậy cần giao cháu Trương Ngọc Như Q cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là đảm bảo về sự phát triển tâm sinh lý, quyền lợi ích hợp pháp của cháu và có căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. *Khoản 3 Điều 81 – Luật Hôn nhân và gia đình: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.*

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không có yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của Chị Bùi Thị L. Xử ly hôn giữa Chị Bùi Thị L và Anh Trương Ngọc H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Trương Ngọc Như Q, sinh ngày 30/3/2018 (hiện đang ở với anh H) cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2018/0000482 ngày 14/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: chị L và anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh